

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của các Ban HĐND Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 14

Để phục vụ kỳ họp thứ 14, HĐND thành phố khóa XVI, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tại cuộc họp ngày 28/11/2023, các Ban của HĐND Thành phố đã tổ chức thẩm tra nội dung dự thảo Nghị quyết trên. Qua thẩm tra, các Ban HĐND Thành phố cơ bản thống nhất với nội dung Nghị quyết quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND Thành phố trình. Ngoài ra, cần rà soát, bổ sung làm rõ một số nội dung, theo đó UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Ban của HĐND Thành phố rà soát, làm rõ 03 nội dung theo báo cáo thẩm tra của các Ban, kết quả cụ thể như sau:

### **1. Cách tính giá dịch vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp**

Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật của 30 nghề đã được UBND Thành phố phê duyệt, ban hành tại các quyết định: số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 và số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Đợt 01 và Đợt 2). Giá dịch vụ đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với một lớp học bao gồm: chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung để đào tạo, vận hành một lớp học (áp dụng cho lớp 35 học viên).

#### **1.1. Chi phí trực tiếp**

*a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp*

Được định giá trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao/học viên đã được UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 và đơn giá hiện hành đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ nhiên liệu, năng lượng trực tiếp sử dụng trong đào tạo.

*b) Chi phí nhân công trực tiếp*

- Hao phí nhân công: Xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật phân hao phí nhân công/học viên được UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023.

- Chi phí tiền lương: được tổng hợp trên cơ sở mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công, trong đó:

+ Mức lương cơ sở cho viên chức: Được tính theo mức lương 1.800.000 đồng/người/tháng theo chính sách tiền lương cơ sở áp dụng từ 01/7/2023 căn cứ Nghị quyết 69/2022/QH15 về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023.

+ Hệ số lương tính trung bình trong hệ thống thang bảng lương quy định (cụ thể lấy bậc 4/6 hệ số 3,33).

Lý do: Trong một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động bình thường sẽ có các cán bộ, nhà giáo (gọi chung là người lao động) làm việc với thời gian thâm niên khác nhau, gồm có lao động làm việc lâu năm (có hệ số bậc lương 5, 6, 7, hoặc 8 và có lao động đã đến bậc 9 hiện hưởng hệ số thâm niên vượt khung), có lao động mới vào làm việc (có hệ số lương khởi điểm bậc 1,2,3 hoặc 4). Do vậy, hệ số lương dự kiến để tính đơn giá tiền lương lao động trực tiếp cho nhà giáo hoặc đơn giá tiền lương lao động gián tiếp cho cán bộ quản lý sẽ được lựa chọn bậc lương ở giữa trong hệ thống thang bảng lương công chức loại A1 và viên chức loại A1 quy định tại Bảng 2 và Bảng 3 được ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

+ Hệ số phụ cấp đứng lớp theo quy định tại Thông tư liên tịch 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (30%)

+ Hệ số phụ cấp thâm niên được quy định tại khoản 1, điều 4 Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo (Ở bậc lương 4/9 có thời gian công tác đủ 12 năm, do vậy phụ cấp thâm niên được tính: 5 năm đầu là 5% và 7 năm tiếp theo là 7%, như vậy tổng cộng sẽ là 12%).

+ Các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và hướng dẫn tại Nghị định 58/2020/NĐ-CP, Quyết định 595/QĐ-BHXH năm 2017

- Định mức giờ giảng/năm của giáo viên và giáo viên tham gia quản lý trên cơ sở Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đã được UBND Thành phố ban hành.

*c) Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị trực tiếp (công cụ, dụng cụ phục vụ dạy lý thuyết, thực hành).*

Căn cứ quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để xác định tỷ lệ hao mòn tài sản cố định;

Giá trị hao mòn máy móc, thiết bị trong một năm = nguyên giá tài sản/tỷ lệ hao mòn tài sản cố định;

Số giờ sử dụng làm việc trong năm của máy móc, thiết bị được tính bằng 52 tuần 40 giờ/tuần;

Giá trị hao mòn máy móc, thiết bị trực tiếp = giá trị hao mòn máy móc, thiết bị trong một năm/ Số giờ sử dụng làm việc trong năm của máy móc, thiết bị.

Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ được xác định theo Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đã được UBND Thành phố ban hành.

*d) Chi phí khác (chi phí tổ chức khai giảng, bế giảng...)*

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị xác định các nội dung chi; Đơn giá các nội dung chi tính theo giá thị trường; Định mức chi các nội dung tổ chức khai giảng, bế giảng được xác định theo Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đã được UBND Thành phố ban hành.

*đ) Chi phí khấu hao tài sản cố định (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành)*

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng để xác định phân cấp công trình; Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để xác định tỷ lệ hao mòn đối với cấp công trình phòng học lý thuyết và thực hành; Định mức sử dụng phòng học được xác định theo Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đã được UBND Thành phố ban hành.

## **1.2. Chi phí quản lý chung**

Là chi phí lao động gián tiếp (chi phí quản lý lớp học). Các xác định chi phí tiền lương của giáo viên tham gia quản lý lớp được tính theo quy định tại điểm b, mục 4.1, điều 4 đã nêu trên; Định mức giờ giảng/năm của giáo viên và giáo viên tham gia quản lý trên cơ sở Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đã được UBND Thành phố ban hành.

### ***1.3. Chi tiết cách tính các khoản mục chi phí cho một đơn vị sản phẩm***

Trên cơ sở căn cứ định giá các khoản mục chi phí đã nêu tại mục 4, phần I như trên và định mức kinh tế - kỹ thuật của 30 nghề đã được UBND Thành phố ban hành; Áp dụng đối với lớp học có 35 học viên. Cách tính các khoản mục chi phí cho mỗi học sinh/ngành đào tạo được giải trình cụ thể chi tiết theo từng nghề. Trong đó:

(1) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp/học viên = định mức tiêu hao/học viên x đơn giá

(2) Chi phí nhân công trực tiếp/lớp học = định mức giờ lao động (của giáo viên dạy lý thuyết và thực hành) x đơn giá giờ lao động của giáo viên.

(3) Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị trực tiếp (thiết bị dạy lý thuyết và dạy thực hành) = định mức sử dụng máy móc, thiết bị x giá trị hao mòn máy móc thiết bị trực tiếp.

(4) Chi phí khác (khai giảng, bế giảng...) = định mức số lượng sử dụng x giá của hàng hóa/dịch vụ sử dụng (Chi phí tính theo giá thị trường).

(5) Chi phí hao mòn tài sản cố định (phòng học) = định mức sử dụng phòng học ( $m^2$ ) x giá trị hao mòn ( $m^2$ /đồng/giờ)

### **2. Về quy định tại khoản 3 Điều 27, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ**

Thành phố Hà Nội là nơi tập trung số lượng lớn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp so với cả nước, hiện nay Thành phố có 311 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (gọi chung là cơ sở GDNN), gồm 67 trường cao đẳng, 58 trường trung cấp, 37 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 18 Trung tâm GDNN – GDTX và 131 doanh nghiệp, các loại hình khác. Trong đó có 215 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập (chiếm 69,13%), là những đơn vị có khả năng xã hội hóa cao, có nhu cầu tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho người lao động đối với 30 nghề được lựa chọn ban hành giá dịch vụ đào tạo.

Việc ban hành giá dịch vụ đào tạo 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố làm cơ sở để UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện giao nhiệm vụ, đặt hàng đấu thầu, triển khai hỗ trợ đào tạo nghề đảm bảo đúng quy định; Tạo cơ hội cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập tham gia đào tạo nghề từ nguồn ngân sách Thành phố, ngân sách quận, huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, góp phần tăng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động trên địa bàn Thành phố.

### **3. Rà soát số liệu giá dịch vụ đào tạo 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có trong dự thảo Nghị quyết.**

UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát số liệu giá dịch vụ đào tạo 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có trong dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo của UBND Thành phố về tiếp thu, giải trình, làm rõ các ý kiến, kiến nghị tại Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố trình tại kỳ họp thứ 14, HĐND Thành phố khóa XVI.

UBND Thành phố kính đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS, PC (*HĐND Thành phố*);
- Các Sở: LĐTBXH, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP UBND TP;  
phòng: KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Thu Hà**